

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Quy và ông Phạm Thế Chiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 18/01/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp B, số 194 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh B (theo Quyết định ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 15/10/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tiến A - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh B (theo quyết định ủy quyền số 1418/QĐ-BIDV ngày 11/11/2021).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Nguyên B1 – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch K1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ: Số 114 đường H1, thị trấn B2, huyện K, Đắk Lắk.

(Theo Giấy ủy quyền số 1488/UQ-BIDV.BM ngày 02/12/2022).

- **Bị đơn:** Ông Phan T2, sinh năm 1963, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Ông T2 ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng. Bà N vắng mặt tại phiên).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Văn M, sinh năm 1988.

+ Anh Phan Văn S, sinh năm 1993.

+ Chị Phan Thị Bích N1, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại và tại phiên tòa người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Nguyên B1 trình bày:

Ngày 04/6/2020 ông Phan T2 và bà Nguyễn Thị N ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/12623503/HĐTD để vay số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất áp dụng cố định là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 04/6/2020 đến 04/5/2021.

Khoản vay trên được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/12623503/HĐTC ngày 28/6/2019 ký kết giữa bên thế chấp là ông Phan T2, bà Trần Thị N và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K1.

Tài sản thế chấp thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.092 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708937 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

Tài sản thế chấp thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 3, diện tích 16.675 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708936 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

Khoản vay đến hạn thanh toán tiền gốc và lãi từ ngày 05/5/2021, ngân hàng đã gia hạn thời hạn trả nợ cho khách hàng đến ngày 05/5/2022 theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.1/2020/12623503/HĐTD ngày 30/9/2021, tuy nhiên đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Hiện dư nợ tạm tính đến ngày xét xử ngày 09/8/2023.

Dư nợ gốc: 550.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 163.534.246 đồng

Nợ lãi quá hạn: 48.177.640 đồng

Tổng cộng gốc và lãi: 761.711.886 đồng.

Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Phan T2 và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng, tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 09/8/2023 là 761.711.886 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 10/8/2023 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản vay.

Trường hợp ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/12623503/HĐTC ngày 28/6/2019 ký kết giữa bên thế chấp là ông Phan T2, bà Trần Thị N và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K1, để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 04/6/2020 vợ chồng bà là Nguyễn Thị N và Phan T2 có vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh B, phòng giao dịch K1, số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất 10,5%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Khi vay, ông bà có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 165, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.092 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708937 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 164, tờ bản đồ số 3, diện tích 16.675 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708936 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

Sau khi vay, do làm ăn thua lỗ, mất mùa nên số nợ trên đã quá hạn, Ngân hàng đã gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 05/5/2022 nhưng đến nay vẫn không trả được nợ.

Nay bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ngân hàng số nợ gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi theo thông báo của Ngân hàng, tạm tính đến ngày 09/8/2023, cụ thể: Tiền lãi trong hạn là 163.534.246 đồng; tiền lãi quá hạn 48.177.640 đồng.

Phương án trả nợ: Bà N xin ngân hàng cho thời gian để bán rẫy trả nợ cho Ngân hàng, còn hẹn ngày trả cụ thể thì ông bà không xác định được, đề nghị Tòa án xem xét.

Về tình trạng quản lý, sử dụng tài sản thế chấp: 02 tài sản thế chấp trên hiện vợ chồng ông bà đang trực tiếp quản lý, sử dụng, không liên quan đến người thứ 3.

Về thành viên hộ gia đình: Ông bà có 04 người con chung.

- Phan Văn L, sinh năm 1985, cắt khẩu năm 2008, không liên quan đến tài sản thế chấp, vì 02 quyền sử dụng đất trên gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011.

- Phan Văn M, sinh năm 1988.
- Phan Văn S, sinh năm 1993.
- Phan Thị Bích N1, sinh năm 1999.

Cùng trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc: 550.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán.

Trường hợp bị đơn ông T2, bà N không trả được nợ, thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện để đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T2, bà N phải trả số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng và các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 09/8/2023 là 211.711.886 đồng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ, thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù đã được Ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ nhưng bị đơn ông T2, bà N đã không trả nợ gốc và lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Cùng với việc khởi kiện của mình Ngân hàng đã xuất trình chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 01/2020/12623503/HĐTD với số tiền vay: 550.000.000^d (*năm trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 04/6/2020 đến 04/5/2021, lãi suất: Áp dụng cố định 10,5%/năm và lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Hiện dư nợ gốc là 550.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 09/8/2023 là 211.711.886 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng thừa nhận khoản nợ trên và các chứng cứ do Ngân hàng xuất trình khởi kiện là đúng. Phía bị đơn xin cho thời gian để trả nợ.

Hội đồng xét xử thấy rằng chứng cứ do Ngân hàng xuất trình để khởi kiện là hợp pháp và có căn cứ; việc bị đơn xin gia hạn thời gian trả nợ, tuy nhiên phía Ngân hàng không chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông T2, bà N.

Do đó, căn buộc bị đơn ông T2, bà N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2023. Dư nợ gốc: 550.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 163.534.246 đồng; nợ lãi quá hạn: 48.177.640 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 761.711.886 đồng.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/12623503/HĐTC ngày 28/6/2019 ký kết giữa bên thế chấp là ông Phan T2, bà Trần Thị N và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K1.

Tài sản thế chấp thứ 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.092 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708937 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

Tài sản thế chấp thứ 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 3, diện tích 16.675 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708936 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng hợp pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 298, Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý các tài sản thế chấp nói trên theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông T2. Bà N trả xong toàn bộ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải trả cho ông T2, bà N các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cần buộc bị đơn ông T2, bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện K khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền chi phí của ông T2, bà N.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị đơn ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Buộc ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 761.711.886 đồng (*bảy trăm sáu mươi một triệu bảy trăm mười một nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng*) trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/8/2023 là 211.711.886 đồng.

Kể từ ngày 10/8/2023 ông T2, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. về xử lý tài sản thế chấp:

[3.1]. Sau khi Phan T2, bà Nguyễn Thị N trả xong nợ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có nghĩa vụ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2, bà N, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA708937 do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 21/01/2011; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA708936 do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 21/01/2011 đều mang tên hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

[3.2]. Trường hợp ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N không trả được nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án để xử lý các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định của pháp luật gồm các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.092 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708937 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 3, diện tích 16.675 m², địa chỉ thửa đất tại buôn C, xã B3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 708936 ngày 21/01/2011 cho hộ ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

[4.1]. Bị đơn ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện K, khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền chi phí của ông T2, bà N.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1]. Buộc ông Phan T2, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 34.468.000 đồng (*ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

[5.2]. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 15.933.678 đồng (*mười lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm*

bảy mươi tám đồng) đã nộp tại biên lai số 15332 ngày 30/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Anh Tuấn